

Thực trạng hiểu biết về an toàn phòng cháy chữa cháy của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Lê Việt Vũ*

*Thiếu tá, Khoa 6, Trường ĐH PCCC

Received: 26/12/2023; Accepted: 2/1/2024; Published: 8/1/2024

Abstract: In recent years, the issue of fire safety is receiving special attention from organizations and individuals. The Ministry of Education and Training has issued Circular 06/2022/TT-BGDĐT to guide the implementation of fire prevention skills at educational institutions. This study was conducted to evaluate the level of understanding of students at the National Economics University about fire prevention through survey and quantitative method. The results show that the level of fire safety knowledge and competence of students at the National Economics University is influenced by cognitive factors, level of access to information and level of access to fire safety education. In addition, the study also showed that there is a difference in the level of fire safety knowledge and competence between male and female students.

Keywords: Fire safety, firefighting equipment, knowledge, university student, JEL codes: C83; D91; I23.

1. Mở đầu

Cháy nổ tại các cơ sở xây dựng tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro đến con người cũng như tài sản. Vấn đề PCCC tại các cơ quan, cơ sở giáo dục, hộ gia đình đang trở nên nóng hơn bao giờ hết. Trong giai đoạn 2020-2023 số vụ cháy, nổ có xu hướng giảm về số lượng nhưng tăng về thiệt hại con người và tài sản.

Tính riêng năm 2022, toàn quốc xảy ra 1745 vụ cháy, làm chết 109 người, bị thương 82 người, tài sản thiệt hại ước tính 592,72 tỷ đồng. Trước thực trạng đó, các cơ quan chuyên môn đã nỗ lực thực hiện các biện pháp tuyên truyền, kiểm tra, giám sát nhằm giảm thiểu rủi ro cháy nổ tại các cơ sở xây dựng. Trong đó, tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân luôn là vấn đề cấp thiết cần quan tâm. Có thể thấy, vấn đề hiểu biết và nhận thức của các cá nhân trong vấn đề PCCC là một trong những yếu tố quyết định tới an toàn PCCC tại các cơ quan, cơ sở và hộ gia đình.

Hà Nội là một trong hai địa bàn có dân số đông nhất cả nước. Dân số trung bình của Hà Nội vào năm 2021 là 8330,83 nghìn người và vào năm 2022 là 8435,65 nghìn người (Tổng cục thống kê, 2021&2022). Mặt khác, tại Hà Nội tập trung nhiều cơ sở ĐH, cao đẳng với số lượng SV lớn như ĐH Bách khoa Hà Nội, trường ĐH Kinh tế quốc dân. SV là đối tượng có xu hướng thay đổi địa điểm nơi tạm trú thường xuyên, thường lựa chọn thuê nhà trọ hoặc chung cư trong thời gian ngắn (dưới một năm) nên có thể ít quan tâm đến vấn đề PCCC tại nơi ở.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá

thực trạng hiểu biết của SV Trường ĐH Kinh tế Quốc dân về vấn đề PCCC, đặc biệt nhấn mạnh vấn đề hiểu biết về các thiết bị PCCC thông dụng. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết của SV Trường ĐH KTQD về PCCC.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, các nghiên cứu về thực trạng nhận thức và hiểu biết về PCCC của SV đã được tiến hành. Các nghiên cứu này tập trung chủ yếu ở các quốc gia như Hàn Quốc và các nước đang phát triển do nhu cầu cấp thiết về quản lý an toàn cháy nổ. Phương pháp chính được áp dụng trong các nghiên cứu là phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với điều tra khảo sát và thống kê.

Nghiên cứu do Agyekum, Ayarkwa và Opoku (2016) tiến hành dựa trên khảo sát SV và quản lý an toàn PCCC ký túc xá tại ĐH Khoa học và Công nghệ Kwame Nkrumah (Ghana, Tây Phi). Theo AlWaqfi, Guan và các cộng sự (2022), trong số 283 SV được khảo sát từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, tỷ lệ SV có mức độ kiến thức và tỷ lệ SV có thái độ tích cực về an toàn PCCC lần lượt là 62% và 87,9%. Nghiên cứu của Noh và Park (2022) tiến hành dựa trên cơ sở thông tin khảo sát của 321 SV tại một trường ĐH Hàn Quốc từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2019 và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 26.0. Theo Noh và Park (2022), kiến thức về an toàn PCCC, nhận thức về sự cố cháy nổ và thiên tai, năng lực ứng phó với cháy nổ có thể được cải thiện nhờ GD&ĐT về PCCC.

Cơ sở lý thuyết



Hình 2.1. Tháp nhu cầu Maslow

Nguồn: Maslow, 1974

Một trong những lý thuyết hành vi, tâm lý học kinh điển được ứng dụng trong nghiên cứu cũng như thực tiễn là lý thuyết về Tháp nhu cầu do Maslow (1974) đề xuất. Tháp nhu cầu Maslow (1974) giải thích những nguyên lý cơ bản về động lực của con người trong việc đáp ứng các nhu cầu của mình. Một cách chi tiết, lý thuyết của Maslow (1974) mô tả những nhu cầu cơ bản của con người theo một trật tự ưu tiên. Theo Maslow (1974), con người có xu hướng ưu tiên thực hiện các hành vi nhằm đáp ứng những nhu cầu căn bản nhất, sau khi những nhu cầu căn bản được đáp ứng, con người sẽ nảy sinh những nhu cầu ở mức độ cao hơn. Những nhu cầu cơ bản nhất được Maslow (1974) xếp ở vùng chân tháp, và mức độ cơ bản của nhu cầu sẽ giảm dần khi càng tiến lên ngọn tháp. Liên hệ với vấn đề phòng chống cháy nổ, nhu cầu về an toàn PCCC được xếp vào nhóm nhu cầu an toàn, là nhóm nhu cầu cơ bản, chỉ xếp sau các nhu cầu về sinh lý (ăn, ngủ, ...). Do vậy, khi những nhu cầu sinh lý được đáp ứng, con người sẽ hình thành nhận thức về nhóm nhu cầu an toàn và thực hiện các hành vi nhằm đáp ứng nhóm nhu cầu an toàn, trong đó có nhu cầu về an toàn PCCC.

Phương pháp nghiên cứu: Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, tác giả xây dựng các giả thuyết nghiên cứu, từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu.

Giả thuyết nghiên cứu: Ha: Mức độ tiếp cận của SV với các thông tin, hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC có ảnh hưởng tích cực tới hiểu biết của SV về vấn đề an toàn cháy nổ. Hb: Các yếu tố về nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính, thu nhập) có ảnh hưởng đáng kể tới

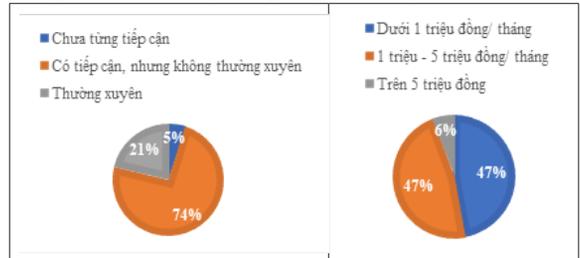
hiểu biết của SV về vấn đề an toàn cháy nổ.

Hc: Nhận thức của SV về PCCC có tác động tích cực tới hiểu biết của SV về vấn đề an toàn cháy nổ.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Kết quả thống kê

Thông qua trình khảo sát, tác giả thu được 122 phiếu trả lời khảo sát, trong đó có 79, 5082% đối tượng trả lời là nữ (tương ứng với 97 phiếu khảo sát).

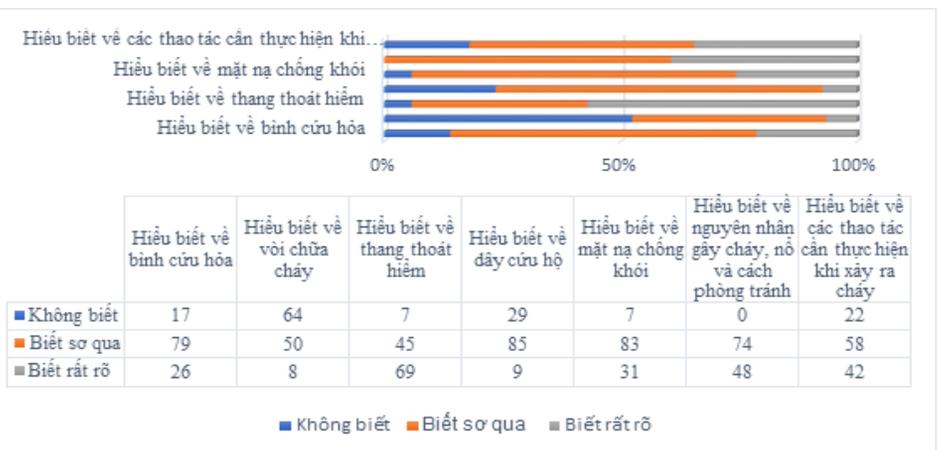


Hình 2.2. Thống kê mức độ tiếp cận thông tin về phòng cháy chữa cháy

Hình 2.3. Cơ cấu phân nhóm thu nhập trung bình tháng của SV.

Dựa theo kết quả thống kê từ hình 2.2 và hình 2.3, có thể thấy, trong mẫu khảo sát, thu nhập trung bình tháng của các đối tượng chủ yếu phân bố ở mức dưới 1 triệu đồng/ tháng và mức từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng/ tháng. Như vậy, không có sự phân hóa rõ nét về thu nhập trung bình đối trong mẫu nghiên cứu.

Bên cạnh đó, mức độ tiếp cận thông tin về PCCC của SV chủ yếu ở mức có tiếp cận, nhưng không thường xuyên. Số lượng đối tượng khảo sát trong mẫu thường xuyên tiếp cận với các thông tin về PCCC chỉ chiếm khoảng 21%. Điều này có thể do các thông tin về PCCC còn chưa tạo được sự thu hút nhất định đối với giới trẻ, đặc biệt là đối với đối tượng SV thường xuyên cập nhật thông tin qua các mạng xã hội.



Hình 2.4. Kết quả tự đánh giá mức độ hiểu biết về vấn đề PCCC của SV

Trong tổng số 122 đối tượng được hỏi, có đến 64 cá nhân trả lời rằng bản thân không có hiểu biết về vòi chữa cháy, 29 cá nhân trả lời rằng bản thân không có hiểu biết về dây cứu hộ và 22 người trả lời rằng mình không có hiểu biết về các thao tác cần thực hiện khi xảy ra cháy nổ. Các cá nhân tham gia khảo sát có hiểu biết khá tốt về thang thoát hiểm (69 người trả lời rằng bản thân biết rất rõ về thang thoát hiểm, 45 người có biết sơ qua về thang thoát hiểm). Nhìn chung, mức độ hiểu biết về các thiết bị PCCC, nguyên nhân gây cháy và các thao tác, lưu ý khi có cháy xảy ra của SV ở mức trung bình.

Kết quả hồi quy dữ liệu chéo OLS cho thấy, ở mức ý nghĩa 1% có bốn yếu tố tác động tích cực tới mức độ hiểu biết của SV về PCCC bao gồm: yếu tố về giáo dục, đào tạo; yếu tố về giới tính; yếu tố về thông tin và yếu tố về nhận thức. Theo quả hồi quy, ở mức ý nghĩa 10%, yếu tố về tuổi tác có tác động tích cực đến tới mức độ hiểu biết của SV về phòng cháy chữa cháy.

Để mô hình hồi quy tốt nhất, tác giả tiến hành kiểm định các khuyết tật mô hình và thực hiện các biện pháp khắc phục khuyết tật mô hình (nếu mô hình tồn tại khuyết tật).

Theo kết quả tính toán hệ số phóng đại phương sai, hệ số VIF tương ứng với các biến độc lập và hệ số VIF trung bình nhỏ hơn 10. Vì vậy, có thể chấp nhận rằng mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo.

Kết quả kiểm định Breusch-Pagan/Cook-Weisberg cho giá trị P-value = 0.0593 < 10%. Mặt khác, kiểm định White cho giá trị P-value = 0.0000. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình có tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Nhằm khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình, tác giả sử dụng phương pháp mô hình phương sai sai số chuẩn.

Theo kết quả hồi quy với phương sai sai số chuẩn, với mức ý nghĩa 1%, mức độ nhận thức về vấn đề an toàn PCCC, mức độ tiếp cận với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC, mức độ tiếp cận thông tin có ảnh hưởng tích cực tới hiểu biết của SV về vấn đề PCCC. Mặt khác, ở mức ý nghĩa 5%, độ tuổi cũng có quan hệ cùng chiều với mức độ hiểu biết về vấn đề PCCC. Kết quả cũng chỉ ra rằng, có sự khác biệt về mức độ hiểu biết của SV về vấn đề PCCC giữa hai nhóm đối tượng nam và nữ. Cụ thể, tại mức ý nghĩa 1%, SV có giới tính nam có mức độ

hiểu biết về vấn đề PCCC cao hơn SV mang giới tính nữ.

Theo kết quả về hệ số Beta, yếu tố tác động mạnh nhất đến mức độ hiểu biết về PCCC của SV là mức độ mức độ tiếp cận với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC, tiếp đến là yếu tố về giới tính, yếu tố về nhận thức và yếu tố mức độ tiếp cận thông tin.

3. Kết luận

Kết quả từ nghiên cứu đã cho thấy có bốn yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết của SV Trường ĐH KTQD về vấn đề PCCC, bao gồm mức độ nhận thức của SV về vấn đề PCCC; mức độ tiếp cận của SV với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC và tiếp cận thông tin về PCCC; tuổi tác và giới tính.

Đối với nhóm yếu tố về nhân khẩu học, từ kết quả nghiên cứu thu được, có thể thấy, SV nam có mức độ hiểu biết về PCCC tốt hơn so với SV nữ. Sự khác biệt này có thể do các đặc thù về mặt tâm lý học ở mỗi giới có sự khác biệt. Bên cạnh đó, tuổi tác cũng là một yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết của SV về vấn đề PCCC.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số biện pháp nâng cao mức độ hiểu biết về PCCC như sau: Tích cực đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền, diễn tập về PCCC, đặc biệt chú trọng vào giáo dục PCCC từ sớm tại các cơ sở giáo dục bậc tiểu học, trung học và ĐH, cao đẳng. Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tăng mức độ tiếp cận thông tin về PCCC của giới trẻ, đặc biệt là thông qua các nền tảng truyền hình, báo mạng, mạng xã hội được ưa chuộng như Facebook, Instagram, ...

Tài liệu tham khảo

1. Agyekum, K., & Ayarkwa, J. (2016). Fire Safety Awareness and Management in Multi -Storey Students' Hostels. *Asian Journal of Applied Sciences*, 4(2), 329-338.
2. Maslow, A. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50(4), 370-396.
3. Noh, G. O., & Park, M. (2022). The effect of fire-safety education on the knowledge and safety competency of college students. *International Journal of Advanced Culture Technology*, 10(1), 138-143.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022) Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT
5. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (2022). Thông cáo báo chí tình hình cháy, nổ năm 2021 trên toàn quốc